

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Tám**

2. Bà **Lý Thị Đào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mỹ Liên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Diễm C**, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số .., ấp C, xã N, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số .., ấp C, xã N, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 20 tháng 11 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 và tại đơn xin vắng mặt ngày 08/01/2021 nguyên đơn bà Trần Thị Diễm C trình bày như sau:

Bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ xây dựng hôn nhân vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ có một người con chung là Phan Thị Tường Vi, sinh năm 2000, hiện đã trưởng thành. Trong thời gian chung sống giữa bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã với nhau do bà Trần Thị Diễm C và ông

Phan Văn Đ tính tình không hòa hợp. Hơn nữa, ông Phan Văn Đ thường xuyên bỏ đi không quan tâm, chăm sóc vợ con nên dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà Trần Thị Diễm C yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Phan Văn Đ. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Diễm C thì ông Phan Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập ông Phan Văn Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Phan Văn Đ không đến Tòa án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của ông Phan Văn Đ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm C. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Diễm C cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết. Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Diễm C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình đối với ông Phan Văn Đ và ông Phan Văn Đ cư trú tại ấp C, xã N, huyện M, tỉnh S nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn Đ đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp

lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Phan Văn Đ, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà Trần Thị Diễm C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ chung sống với nhau năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ là vợ chồng

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ có một người con chung là Phan Thị Tường Vi, sinh năm 2000. Hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Diễm C xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết và ông Phan Văn Đ cũng không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và ông Phan Văn Đ cũng không thể hiện có tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Diễm C phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Diễm C và ông Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Diễm C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặc ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C xác định không có nên không đặc ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Diễm C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của bà Trần Thị Diễm C được trừ vào số tiền bà Trần Thị Diễm C nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007407 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên nên được chuyển thu.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên